

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 04/01/2023

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đại Dương

Bà Mùa Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, là Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”; theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022, Q định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; địa chỉ: X T, xã B L, huyện M A, tỉnh Đ(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Bị đơn: Anh Lương Văn Q; địa chỉ: Bản N, xã N N, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Lương Văn Q lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nhạn, thành phố Điện Biên Phủ vào ngày 23/8/2019, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly T từ năm 2021 cho đến nay, chị T và anh Q không ai quan tâm đến ai. Vì vậy chị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xem xét, giải Q cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Q.

- Về con:

+ Về con chung: Không có;

+ Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải Q;

- Về tài sản, về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Q.

2. Đối với bị đơn anh Lương Văn Q: Sau khi thụ lý vụ án anh Q không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa anh Q vắng mặt không có lý do.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải Q vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải Q vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải Q vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải Q vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị T về việc ly hôn với anh Lương Văn Q.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/9/2022 chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Lương Văn Q có địa chỉ: Bản N, xã N N, thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 03/10/2022 chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải Q yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải Q: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lương Văn Q thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lương Văn Q kết hôn tại UBND xã Nà Nhạn, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên vào ngày 23/8/2019, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Q đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly T từ năm 2021 cho đến nay, chị T và anh Q

không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, từ năm 2021 chị T đã về nhà Bố mẹ đẻ ở tại X T, xã B L, huyện M A, tỉnh Đsinh sống cho đến nay, chị T và anh Q không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Việc này đã được UBND xã Nà Nhạn, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xác nhận vào ngày 02/11/2022 và Công an xã Nà Nhạn xác nhận ngày 21/11/2022.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thanh báo bằng điện thoại và bằng văn bản cho anh Q được biết, nhưng anh Q từ chối nhận và anh Q không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hỏi bằng văn bản cho Tòa án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản qua người nhà của anh Q và có xác nhận của trưởng bản. Tòa đã triệu tập anh Q nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải Q, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay chị T có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị T khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị T và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lương Văn Q..

[2.2] Xét về con chung: Không có

[2.3] Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải Q, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lầy về: Không có.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T với anh Lường Văn Q.
2. Về con chung: Không có
3. Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải Q
4. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có
5. Về án phí: Chị Lò Thị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp theo biên lai thu tiền 0002010 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Nhạn, TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

